TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HSST-QĐ ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 16/8/2018 đối với bị cáo:

Vi Văn T, tên gọi khác Vi Văn T1, sinh năm 1983 (Không xác định được ngày tháng sinh của bị cáo) tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Ngọc T, sinh năm: 1939 (chết năm 2017) và bà Trương Thị C, sinh năm 1941 hiện trú tại Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Bị cáo có 04 tiền án

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2003/HSST ngày 15/7/2003 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 26/3/2004 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2004/HSST ngày 17/8/2004 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt bị 03 năm 06 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 14/8/2007 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2008/HSST ngày 11/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo 05 năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 17/10/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2013/HSST ngày 02/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo 54 tháng tù, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 28/5/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Hiện chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/11/2017, tạm giam ngày 16/11/2017. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang - Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn M, sinh năm 1956 và bà Trần Thị H, sinh năm 1956. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Ông Lê Văn M. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Vi Thị Đ, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Anh Vi Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Bà Trương Thị C, sinh năm 1941. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Anh Trần Đức B, sinh năm 1982. địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

5. Anh Vũ Minh P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2004, khi bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai Vi Văn T có quen biết Trần Đức B, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố số 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, sau khi ra tù T có đến nhà B chơi một vài lần. Ngày 03/11/2017, T điều khiển xe máy Sirius, biển kiểm soát 25B1-354.73 mà T chiếm đoạt được ở huyện S, tỉnh Lai Châu đến nhà B chơi. Khoảng 22 giờ ngày 04/11/2017, T đến nhà B, thấy nhà khóa cửa nên T đã đi sang nhà mẹ đẻ B là bà Trần Thị H, sinh năm 1956 ở sát nhà B. Khi vào nhà, bà H hỏi T "Cháu là ai" thì T giới thiệu "Cháu tên T, nhà ở T, V". T chơi ở nhà bà H khoảng 30 phút thì xin ngủ nhờ qua đêm và được bà H đồng ý. Khoảng 05 giờ ngày 05/11/2017, T thức dậy thì thấy bà H và ông M, sinh năm 1956, là chồng bà H và là bố dượng của B đang chuẩn bị hàng mang ra chợ thị trấn P, T xin đi theo lên chợ và được vợ chồng bà H đồng ý. Đến chợ, T đi ăn bánh cuốn cạnh quầy hàng của vợ chồng ôngM, khoảng 07 giờ cùng ngày, thấy mệt nên T nói với bà H "Cháu mệt quá, cháu xin đi về nhà trước", bà H chỉ chỗ để chìa khóa cửa cho T. Sau đó, T điều khiển xe máy Sirius, biển kiểm soát 25B1-354.73 đi về nhà vợ chồng ôngM

và lấy chìa khóa mở cửa vào nhà. T ngồi uống nước khoảng 15 phút và quan sát xung quanh nhà thấy có chiếc xe máy Honda Air Blade, biển kiểm soát 24B1-548.89 dựng ở sân nhà ông M, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe. T nghĩ chiếc xe máy Air Blade có giá trị hơn chiếc xe máy Sirius, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nhằm mục đích làm phương tiện đi lại và khi có người hỏi mua thì bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, do không có tiền đổ xăng và không có tiền chi phí đi đường, nên T nghĩ ra cách đi xe máy Air Blade biển kiểm soát 24B1-548.89 ra chợ thị trấn P gặp vợ chồng ông M hỏi xin tiền, rồi chiếm đoạt luôn chiếc xe này. T dắt xe máy Air Blade biển kiểm soát 24B1-548.89 ra cổng nhà ông M và định đi lên chợ thị trấn P, thì thấy ông M về nhà, ông M hỏi T "Xe của mày đâu không đi, mày lấy xe tao đi đâu", T trả lời "Cháu mượn xe đi lên chợ". Do vẫn thấy chiếc xe máy Sirius biển kiểm soát 25B1-354.73 của T dựng ở trong nhà và nghĩ T là bạn của B, nên ông M đồng ý cho T mượn xe và không có phản đối gì. Sau khi ông M đi vào nhà lấy hàng mang ra chợ bán thì T cũng đi xe máy Air Blade biển kiểm soát 24B1-548.89 ra chợ. Khi đến chợ T dựng xe cách quầy bán hàng của vợ chồng ông M khoảng hơn 7 mét để tạo lòng tin. Tiếp đó, T đi đến quầy hàng của vợ chồng ông M và nói dối với bà H là "Cháu có bạn đến chơi, nhờ hai bác nấu cơm hộ cho ba, bốn người ăn", mục đích T nói dối bà H là để xin tiền làm chi phí đi đường, bà H trả lời "bận không nấu cơm được". T xin bà H 200.000đ để mua thức ăn, nghĩ T nấu cơm mời bạn đến ăn, nên bà H đã đưa cho T 180.000đ. Sau khi xin được tiền, T điều khiển xe máy Air Blade, biển kiểm soát 24B1-548.89 đi theo đường Quốc lộ 70 về Yên Bái. Ngày 11/11/2017, T đi xe máy biển kiểm soát 24B1-548.89 đến thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Cạn thực hiện hành vi trộm cắp của ông Triệu Văn H 01 chiếc điện thoại I Phone 5, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Cạn phát hiện bắt giữ và tạm giữ chiếc xe máy Honda Air Blade, biển kiểm soát 24B1-548.89. Ngày 15/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Vi Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại biên bản định giá tài sản số 11/BB.ĐG ngày 20/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: Xe máy Hon da Air Blade, biển kiểm soát 24B1-548.89 có trị giá 25.200.000đ.

Đối với chiếc xe máy Sirius màu đỏ, biển kiểm soát 25B1-354.73, do ông M giao nộp cho Cơ quan điều tra vào ngày 05/11/2017, xác định chiếc xe này là tài sản do Vi Văn T chiếm đoạt tại Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu vào ngày 03/11/2017, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã bàn giao chiếc xe máy này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Lai Châu điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản án số 20/2018/HS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Cạn đã xử phạt Vi Văn T (tên gọi khác Vi Văn T1) 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 29/8/2018 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đã xử phạt bị cáo Vi Văn T (tên gọi khác Vi Văn T1) 03 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tổng hợp với 36 tháng tù tại bản án số 20/2018/HS-ST

ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Cạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 06 năm tù.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Vi Văn T (tên gọi khác Vi Văn T1) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với vụ án này do có mâu thuẫn về năm sinh của bị cáo và họ của mẹ bị cáo, ngày 15/6/2018 Tòa án đã ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai yêu cầu điều tra xác minh làm rõ lý lịch và nhân thân của Vi Văn T. Ngày 19/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng có văn bản số 282/CV-VKS về việc giữ nguyên quan điểm truy tố. Ngày 03/7/2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 16/7/2018 Viện kiểm sát gửi văn bản đính chính về việc cáo trạng ghi nhầm họ của mẹ bị cáo Vi Văn T và cung cấp kết luận giám định số 33/GĐĐV ngày 16/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai kết luận "Các dấu vân trên bản sao danh chỉ bản số 0121, họ tên Vi Văn T, sinh năm 1985, nơi đăng ký thường trú: Xóm M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai và dấu vân trên bản sao danh bản số 06053, chỉ bản số 25, họ tên Vi Văn T, sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai là của cùng một người.

Tại phiên toà hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn T (Vi Văn T1) phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong đó:

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 139; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe Honda Air Blade, biển kiểm soát 24B1-548.89 và không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường dân sự nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà hôm nay bị cáo Vi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Bị cáo Vi Văn T đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2013/HSST ngày 02/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo 54 tháng tù, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung là tái

phạm nguy hiểm hiện chưa được xóa án tích. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định bản cáo trạng số 15/CT-VKSBT ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Vi Văn T (Vi Văn T1) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Song vì ham chơi đua đòi, lười lao động lại muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã lừa vợ chồng ông M để lấy 180.000đ và chiếc xe Honda Air Blade trị giá 25.200.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.Vì vậy đối với bị cáo cũng cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi hành vi trộm cắp tài sản ở huyện C, tỉnh Bắc Cạn bị phát hiện, bị cáo đã tự khai ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình ông M và quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3]. Về tổng hợp bản án: Ngày 29/8/2018 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tổng hợp với 36 tháng tù tại bản án số 20/2018/HS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Cạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 6 năm tù. Do bản án xét xử ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật sẽ tổng hợp bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị H: Ông M vắng mặt, song có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 180.000đ do bị hại đã cho bị cáo và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade màu vàng đen trắng biển kiểm soát 24B1-548.89. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông M. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu (Bút lục 46-47).

[7]. Về án phí: Bị cáo Vi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo:

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử cần xem xét để có một mức án phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 139; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Vi Văn T (tên gọi khác Vi Văn T1) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Vi Văn T (Vi Văn T1) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2017.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vi Văn T (Vi Văn T1) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

- CQCSĐT CA huyện BT;
- Nhà tạm giữ CA huyện BT;
- Sở tư pháp LC; PC 81;
- Bị cáo; Bị hại (02);
- Thi hành án HS (4);
- Lưu HS; TA; VP.

Phạm Thị Thu Hằng